

UBND TỈNH CÀ MAU
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

=====

BÁO CÁO
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP
NĂM 2016



THÁNG 04 NĂM 2017

UBND TỈNH CÀ MAU
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tam Giang Tây, ngày 14 tháng 6 năm 2017

Số: 40../CV-Cty

Về việc Công bố Kế hoạch sản xuất
kinh doanh và đầu tư phát triển
năm 2017 và ba (03) năm trước

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Nghị định: 81/2015/NĐ-CP, ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 3353/UBND-KT ngày 03 tháng 05 năm 2017 của UBND tỉnh Cà Mau về việc Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 12 tháng 06 năm 2017 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển Công bố báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 và ba (03) năm trước theo nội dung tại Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VIII của Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2015 (kèm theo Phụ lục), gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước theo quy định hiện hành.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển kính trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP./.

Địa chỉ liên hệ: Phòng TC-KT
Điện : 0917877199

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu .



Trần Ngọc Thảo

Số : 27./BC-Cty

Tam Giang Tây, Ngày 25 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO

Về việc Thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp

Kính gửi : - UBND tỉnh Cà Mau
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau

Căn cứ Nghị định: 81/2015/NĐ-CP, ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước;

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển xin báo cáo thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017; Đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và ba (03) năm gần nhất. Riêng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của doanh nghiệp, Công ty đang thực hiện chủ trương cổ phần hóa, đang thực hiện đánh giá, giá trị doanh nghiệp để làm cơ sở xây dựng phương án cổ phần hóa.

Trên đây là nội dung báo cáo của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển về thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp Nhà nước. *K.T*

Nơi nhận :

- Như trên ;
- Lưu VP .



GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Thảo

**CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016**



MỤC LỤC

Trang

01. Báo cáo của Hội đồng thành viên	1 - 2
02. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
03. Bảng cân đối kế toán	5 - 8
04. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
06. Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 26

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty hân hạnh đề trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016.

1. Chủ tịch và Ban giám đốc công ty

Chủ tịch và Ban giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính 2016 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Trần Ngọc Thảo
- Ông Nguyễn Văn Thành

Chức vụ

Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty
Phó Giám đốc

2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Võ Công Đoàn

Chức vụ

Kiểm soát viên

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Trồng, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Trồng rừng và chăm sóc rừng. Khai thác, chế biến lâm sản;
- Khai thác thủy sản nội địa, nuôi trồng thủy sản kết hợp trên lâm phần;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ khác.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 26.

6. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: Không có

7. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

9. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chủ tịch công ty công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Chủ tịch công ty

Trần Ngọc Thảo

Chủ tịch Công ty

Ngày 23 tháng 03 năm 2017



Số: 38/2017/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch công ty, Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiền

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiền ("Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2017, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Do đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận đầy đủ các thư xác nhận số dư tại ngày 31/12/2016 của các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng số tiền 1.127.139.000 đồng, các khoản phải thu ngắn hạn khác số tiền 811.890.124 đồng, các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn số tiền 1.654.957.000 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm chứng được tính có thực số dư của khoản công nợ nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiến tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 23 tháng 03 năm 2017

Đặng Thị Thiên Nga

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0462-2013-107-1

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.466.532.705	29.439.192.703
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.445.282.060	21.757.110.481
1. Tiền	111		1.395.282.060	207.110.481
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.050.000.000	21.550.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	1.884.286.552	2.490.084.563
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.262.622.000	1.725.596.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		426.990.391	741.347.374
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	42.597.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.240.327.285	1.418.614.359
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.045.653.124)	(1.438.070.170)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	-	5.060.604.981
1. Hàng tồn kho	141		-	5.060.604.981
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.4	136.964.093	131.392.678
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		116.736.574	9.455.866
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	99.949.294
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		20.227.519	21.987.518
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.520.138.555	4.288.697.733
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.5	4.913.153.024	3.302.287.538
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4.913.153.024	3.302.287.538
<i>Nguyên giá</i>	222		12.182.098.063	12.368.280.936
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.268.945.039)	(9.065.993.398)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	46.027.818
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	46.027.818
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		606.985.531	940.382.377
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	606.985.531	940.382.377
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		49.986.671.260	33.727.890.436

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		14.565.049.171	8.636.721.798
I. Nợ ngắn hạn	310		14.520.967.501	8.592.640.128
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	1.654.957.000	1.400.982.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	4.226.423.900	2.102.930.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.883.102.562	841.563.034
4. Phải trả người lao động	314		1.923.162.038	1.117.425.720
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	252.225.000	55.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	1.789.068.088	203.349.969
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.792.028.913	2.871.389.405
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		44.081.670	44.081.670
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	44.081.670	44.081.670
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	35.421.622.089	25.091.168.638
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13 35.149.338.666	22.860.614.450
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	13.566.087.962	13.566.087.962
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	21.525.756.704	9.237.032.488
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	-
- LNST chưa phân phối cuối kỳ trước	421a	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	57.494.000	57.494.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	272.283.423	2.230.554.188
1. Nguồn kinh phí	431	112.324.311	2.070.595.076
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	159.959.112	159.959.112
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	49.986.671.260	33.727.890.436


Nguyễn Cảnh Nguyên
Người lập biểu
Đinh Văn Điền
Kế toán trưởng
Trần Ngọc Thảo
Giám đốc

Lập ngày 23 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	56.163.650.468	29.964.253.136
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		56.163.650.468	29.964.253.136
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31.592.337.895	19.217.138.494
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		24.571.312.573	10.747.114.642
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.317.032.453	1.311.253.623
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	7.181.571.811	7.340.169.998
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.706.773.215	4.718.198.267
11. Thu nhập khác	31	VI.5	207.732.990	123.945.408
12. Chi phí khác	32	VI.6	284.922.500	468.926.454
13. Lợi nhuận khác	40		(77.189.510)	(344.981.046)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.629.583.705	4.373.217.221
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	4.110.210.489	1.150.871.959
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.519.373.216	3.222.345.262

Nguyễn Cảnh Nguyên
Người lập biểuĐinh Văn Điền
Kế toán trưởngTrần Ngọc Thảo
Giám đốc

Lập ngày 23 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		56.163.650.468	31.954.484.507
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(15.024.961.299)	(13.294.792.754)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.947.468.092)	(7.136.386.160)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.246.500.736)	(800.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		41.833.503.663	33.490.966.784
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(37.429.246.039)	(34.986.569.517)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35.348.977.965	9.227.702.860
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(160.806.386)	(953.032.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.000.000.000)	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.500.000.000	10.040.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	465.859.601
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	1.275.848.396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.660.806.386)	(4.171.324.003)

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

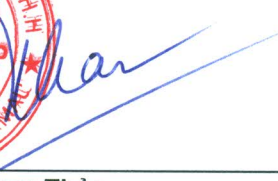
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(81.587.880)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(81.587.880)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		20.688.171.579	4.974.790.977
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	21.757.110.481	16.782.319.504
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	42.445.282.060	21.757.110.481


Nguyễn Cảnh Nguyên
Người lập biểu


Đinh Văn Điền
Kế toán trưởng


Trần Ngọc Thảo
Giám đốc

Lập ngày 23 tháng 03 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiển được chuyển đổi từ Lâm nghiệp Ngọc Hiển, theo quyết định số 308/QĐ-UBND do Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cà Mau ký ngày 23 tháng 02 năm 2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000503134 ngày 08 tháng 07 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 08 tháng 07 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 là: 13.566.087.962.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Khai thác, chế biến lâm sản

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Trồng, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Trồng rừng và chăm sóc rừng. Khai thác, chế biến lâm sản;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Thông tin về các công ty con và Công ty liên kết: không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và số dư của các tài khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra tại ngày 31/12/2016 của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nêu trên được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao một số tài sản cố định vượt khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20 năm
- Máy móc thiết bị	8 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	6 năm

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng tại Công ty là 20%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng nhân với thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

15. Nguyên tắc xác định chi phí tiền lương

Tổng quỹ lương của Công ty năm 2016 được xác định theo quy định của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính Phủ, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội và Công văn số 247/LĐTBXH-LĐTL của Sở Lao Động Thương Binh & Xã Hội tỉnh Cà Mau ngày 23/02/2017. Quỹ tiền lương của viên chức quản lý được trích lập căn cứ vào Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính Phủ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 và căn cứ vào Quyết định số 341/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau ngày 01/03/2017.

16. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty Kiểm toán Sao Việt tại Cần Thơ.

V.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	73.065.453	28.790.300
Tiền gửi ngân hàng	1.322.216.607 (a)	178.320.181
Các khoản tương đương tiền	41.050.000.000	21.550.000.000
Cộng	42.445.282.060	21.757.110.481

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Cà Mau	1.111.597	1.322.996
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Cà Mau	2.770.964	1.939.427
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Cà Mau	1.310.832.498	171.436.356
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Cà Mau	1.000.000	-
- Ngân hàng Vietinbank - CN Cà Mau	1.398.138	2.697.722
- Ngân hàng NN & PTNT - CN Cà Mau	975.227	923.680
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Cà Mau	1.285.745	-
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Cà Mau	1.714.056	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Cà Mau	1.128.382	-
Cộng	1.322.216.607	178.320.181

Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi VND có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại	41.050.000.000	21.550.000.000
Cộng	41.050.000.000	21.550.000.000

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.262.622.000 (b)	1.725.596.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	426.990.391 (c)	741.347.374
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	42.597.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.240.327.285 (d)	1.418.614.359
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.045.653.124) (e)	(1.438.070.170)
Cộng	1.884.286.552	2.490.084.563

(b) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP CBTS&XNK Camimex	-	206.518.000
- Ông Trần Thanh Hùng	1.053.699.000	1.053.699.000
- HTX hầm than Bình Minh	-	71.329.500
- Ông Lưu Tấn Lực	31.866.667	31.866.667
- Ông Nguyễn Tiến Dũng	31.893.333	31.983.333
- Ông Võ Minh Chơn	9.680.000	9.680.000
- Ông Nguyễn Việt Nam	-	23.333.000
- Ông Nguyễn Văn Thống	20.000.000	20.000.000
- Ông Nguyễn Tấn Vĩnh	94.000.000	94.000.000
- Ông Nguyễn Chí Linh	-	9.000.000
- Ông Phan Văn Đức	-	23.500.000
- Ông Phạm Thành Bính	-	16.500.000
- Ông Hà Hoàng Nam	-	15.000.000
- Ông Đặng Quang Phúc	10.170.000	
- Các khách hàng khác	11.313.000	119.186.500
Cộng	1.262.622.000	1.725.596.000

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	426.990.391	741.347.374
- Ông Trần Ngọc Bé	90.000.000	90.000.000
- Trung Tâm Thông tin TM & MT Cà Mau	63.000.000	-
- Ủy Ban Nhân Dân xã Tam Giang Tây	60.000.000	-
- Ủy Ban Nhân Dân xã Tam Giang	50.000.000	-
- Ông Lê Thanh Thuận	50.000.000	-
- Ông Phạm Thanh Bình	47.971.391	47.971.391
- Ông Phạm Hòa Bình	30.419.000	30.419.000
- Ông Lê Quốc Tạo	28.000.000	-
- Ông Phan Văn Đức	7.600.000	10.000.000
- Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế XD Minh Tâm	-	400.000.000
- Ông Nguyễn Tấn Truyền	-	5.000.000
- Ông Đỗ Minh Tân	-	12.206.983
- Ông Nguyễn Thiện Lộc	-	10.000.000
- Ông Phan Văn Thanh	-	105.000.000
- Các nhà cung cấp khác	-	30.750.000
Cộng	426.990.391	741.347.374

(d) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hóa	293.700.000	-
- Tạm ứng	70.400.000	316.440.000
- Các khoản ký quỹ, ký cược	-	-
- Phải thu khác	876.227.285	1.102.174.359
* Phải thu của Cty TNHH MTV LN U Minh Hạ	703.698.124	703.698.124
* Đầu tư vướng Quốc doanh	-	24.130.747
* Phải thu Lâm trường 184	-	23.049.966
* Ông Huỳnh Lừa	-	10.000.000
* Ông Huỳnh Trung Dũng	-	141.020.000
* Ông Nguyễn Hữu Huyền	35.666.000	35.666.000
* Ông Nguyễn Thanh Tâm	-	12.787.000
* Ông Mai Thanh Phùng	5.100.000	5.100.000
* Ông Lê Thanh Bình	-	10.000.000
* Ông Nguyễn Thành Trang	-	5.000.000
* Ông Nguyễn Văn Cường	-	8.289.000
* Ông Trương Chí Tâm	-	4.300.000
* Ông Trần Việt Khởi	-	5.200.000
* Ông Phạm Công Thức	13.330.000	13.330.000
* Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	83.326.161	49.906.777
* Phải thu của các cá nhân khác	35.107.000	50.696.745
Cộng	1.240.327.285	1.418.614.359

(e) Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số dự phòng</u>
- Nợ quá hạn trên 3 năm	1.045.653.124	100%	1.045.653.124
Cộng			1.045.653.124

3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	4.379.461.331
Thành phẩm	-	681.143.650
Cộng	-	5.060.604.981

4. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	116.736.574 (f)	9.455.866
Thuế GTGT được khấu trừ	-	99.949.294
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	20.227.519	21.987.518
Cộng	136.964.093	131.392.678

(f) Chi tiết số dư chi phí trả trước như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí công cụ dụng cụ	116.736.574	9.455.866
Cộng	116.736.574	9.455.866

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Nguyên giá	12.368.280.936	2.398.819.220	2.585.002.093	12.182.098.063
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10.260.766.372	962.560.636	2.467.535.093	8.755.791.915
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.103.519.818	389.658.000	117.467.000	1.375.710.818
- Thiết bị quản lý	57.790.000	-	-	57.790.000
- Tài sản cố định khác	946.204.746	1.046.600.584	-	1.992.805.330
Hao mòn lũy kế	9.065.993.398	787.953.734	2.585.002.093	7.268.945.039
- Nhà cửa, vật kiến trúc	7.752.612.227	565.709.805	2.467.535.093	5.850.786.939
- PT vận tải, TB truyền dẫn	334.669.944	121.780.563	117.467.000	338.983.507
- Thiết bị quản lý	32.506.489	8.427.828	-	40.934.317
- Tài sản cố định khác	946.204.738	92.035.538	-	1.038.240.276
Giá trị còn lại	3.302.287.538			4.913.153.024
- Nhà cửa, vật kiến trúc	2.508.154.145			2.905.004.976
- PT vận tải, TB truyền dẫn	768.849.874			1.036.727.311
- Thiết bị quản lý	25.283.511			16.855.683
- Tài sản cố định khác	8			954.565.054

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 5.141.448.617
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Mua trong năm	2.398.819.220
Cộng	2.398.819.220

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Thanh lý, nhượng bán	2.585.002.093
Cộng	2.585.002.093

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Khấu hao trong năm	787.953.734
Cộng	787.953.734

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Chuyển sang công cụ dụng cụ	2.585.002.093
Cộng	2.585.002.093

6. Tài sản dài hạn khác

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí trả trước dài hạn	606.985.531 (g)	940.382.377
Cộng	606.985.531	940.382.377

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

(g) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê cải tạo vuông tôm	379.439.757	216.848.004
- Chi phí công cụ, dụng cụ	227.545.774	723.534.373
Cộng	606.985.531	940.382.377

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U Minh Hạ	1.053.699.000 (*)	1.053.699.000
- Văn phòng Huyện Ủy Ngọc Hiển	-	317.763.000
- Công ty TNHH Tín Đạt Ninh Thuận	-	29.520.000
- Xưởng may Cục Hậu Cần QK9	83.160.000	-
- Công ty TNHH Tư Vấn Thăng Long	4.400.000	-
- Ông Nguyễn Việt Bắc	404.745.000	-
- Ông Lê Công Uẩn	42.753.000	-
- Ông Nguyễn Hữu Quý	33.000.000	-
- Ông Nguyễn Tấn Vĩnh	25.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Thao	8.200.000	-
Cộng	1.654.957.000	1.400.982.000

(*) Khoản phải trả ngắn hạn cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ này bằng với số tiền phải thu của Ông Trần Thanh Hùng. Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Ông Trần Thanh Hùng không đồng ý xác nhận khoản công nợ phải thu, phải trả này do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Ông Trần Thanh Hùng cho rằng hai khoản công nợ này sẽ được cân trừ nhau. Tuy nhiên, theo Báo cáo của kiểm toán Nhà Nước năm 2013 hai khoản công nợ này không được cân trừ nhau do không cùng đối tượng.

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH TMDV Toàn Thịnh	1.471.830.500	-
- DNTN Hữu Tâm	1.045.500.000	-
- Công ty TNHH Thành Hưng	9.093.400	-
- Hợp tác xã hầm than Bình Minh	-	2.102.930.000
Cộng	4.226.423.900	2.102.930.000

9. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Phải nộp	841.563.034	6.693.058.430	5.651.518.902	1.883.102.562
- Thuế GTGT	220.452.541	307.183.541	406.357.587	121.278.495
- Thuế TNDN	408.577.619	4.110.210.489	2.921.470.812	1.597.317.296
- Thuế TNCN	-	-	-	-
- Thuế tài nguyên	59.166.371	2.275.664.400	2.170.324.000	164.506.771
- Các loại thuế khác	153.366.503	-	153.366.503	-
Phải thu	(21.987.518)	697.401.719	695.641.720	(20.227.519)
- Thuế TNCN	(19.887.518)	697.401.719	695.641.720	(18.127.519)
- Các loại thuế khác	(2.100.000)	-	-	(2.100.000)
Cộng	819.575.516	7.390.460.149	6.347.160.622	1.862.875.043

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

10. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí phương án sử dụng đất	126.225.000	-
- Chi phí vật tư, nhân công	71.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	55.000.000	55.000.000
Cộng	252.225.000	55.000.000

11. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	10.822.716	28.183.507
- BHXH, BHYT, BHTN	-	248.090
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.665.897.000	62.570.000
- Phải trả Công ty Lâm Nghiệp 184	-	92.074.534
- Phải trả các nhà cung cấp khác	-	20.273.838
- Phải trả khác	112.348.372	-
Cộng	1.789.068.088	203.349.969

12. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	44.081.670	44.081.670
- Kinh phí dự án tôm sinh thái	44.081.670	44.081.670
Cộng	44.081.670	44.081.670

13. Vốn chủ sở hữu

a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	13.566.087.962	1.423.083.094	6.239.087.478	4.809.086.666
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	(1.423.083.094)	2.997.945.010	(1.574.861.916)
Tăng khác	-	-	-	-
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(211.500.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(3.022.724.750)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	13.566.087.962	-	9.237.032.488	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	14.519.373.216
Tăng khác	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	12.288.724.216	(12.288.724.216)
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(232.649.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(1.998.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	13.566.087.962	-	21.525.756.704	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

14. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a) *Nợ khó đòi đã xử lý trong năm 2016:*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyễn Thành Trang	15.000.000	-
- Phạm Thị Hằng	5.000.000	-
- Nguyễn Văn Hạnh	3.241.000	-
- Mai Văn Biển	3.126.000	-
- Nguyễn Văn Tài	2.380.000	-
- Phạm văn út	2.500.000	-
- Phạm văn Téo	2.300.000	-
- Nguyễn Tấn Liệt	2.050.000	-
- Mã Thành Tài	2.000.000	-
- Lê Minh Sản	1.800.000	-
- Lê Minh Sản	500.000	-
- Nguyễn Việt Hoàng	2.925.000	-
- Lưu Thị Thu	2.625.000	-
- Nguyễn Văn Thu	201.000	-
- Phạm Văn Đoàn	1.800.000	-
- Phạm Văn Chung	900.000	-
- Trần Việt Khởi	3.000.000	-
- Trịnh Hoàng Cương	3.600.000	-
- Nguyễn	250.000	-
- Lê Hoàng Vũ	1.200.000	-
- Phạm Thành Bính	16.500.000	-
- Phạm Văn Sở	1.200.000	-
- Huỳnh Văn Liệt	2.200.000	-
- Trần Thanh Phong	90.000	-
- Trần Quốc Dương	1.400.000	-
- Hồ Quốc Trị	3.115.000	-
- Trần Văn Huỳnh	6.210.000	-
- Trần Thanh Phong	525.000	-
- Võ Văn Mung	505.000	-
- Trần Quốc Sơn	10.000	-
- Phạm Trung Khanh	1.645.000	-
- Nguyễn Văn Hùng	90.000	-
- Đặng Trung Nghĩa	1.150.000	-
- Phạm Văn Phong	3.000.000	-
- Trần Văn Hà	3.000.000	-
- Lê Trung Thành	1.000.000	-
- Hà Hoàng Nam	15.000.000	-
- Tô Công Bình	5.250.000	-
- Thái Văn Thuận	200.000	-
- Huỳnh Văn Cửa	1.000.000	-
- Tạ Văn Bửu	5.775.000	-
- Hứa Ngọc Giao	7.920.000	-
- Nguyễn Mỹ Hạnh	5.000.000	-
- Lý Hồng Diệu	6.300.000	-
- Ông Toàn	15.422.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

- Huỳnh Trung Dũng	141.020.000	-
- Nguyễn Văn Ba	7.133.200	-
- Dương Thị Thu Hà	1.602.400	-
- Trần Nho Hạnh	800.000	-
- Trần Quốc Việt	4.265.200	-
- Phùng Hữu Thi	1.000.000	-
- Nguyễn Vũ Khanh	1.000.000	-
- Phan Văn Hợp	250.000	-
- Lâm Thành Hiếu	2.400.000	-
- Nguyễn Thanh Tâm	12.787.000	-
- Nguyễn Thành Trang	5.000.000	-
- Nguyễn Văn Cường	8.289.000	-
- Trương Chí Tâm	4.300.000	-
- Trần Việt Khởi	5.200.000	-
- Vũ Hoàng Hải	500.000	-
- Sơn Tùng	2.500.000	-
- Lê Trung Thành	1.000.000	-
- Trần Thanh Hoá	2.700.000	-
- Nguyễn Minh Trí	100.000	-
- Huỳnh Hồng Vũ	4.448.000	-
Cộng	366.199.800	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
- Doanh thu thành phẩm	54.645.808.850	28.589.626.849
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.517.841.618	1.374.626.287
Cộng	56.163.650.468	29.964.253.136

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
- Giá vốn thành phẩm	31.592.337.895 (&)	19.211.570.494
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	5.568.000
Cộng	31.592.337.895	19.217.138.494

(&) Giá vốn lâm sản này bao gồm chi phí thiết kế phương án khai thác rừng với số tiền là 1.314.082.000 đồng. Đây là chi phí thiết kế khai thác và trồng rừng do nhân viên kỹ thuật của Công ty thực hiện ngoài giờ.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	1.264.151.909	975.985.454
- Thu hoạt động tài chính khác	52.880.544	335.268.169
Cộng	1.317.032.453	1.311.253.623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
- Chi phí nhân viên quản lý	5.201.913.413	4.763.582.355
- Chi phí vật liệu quản lý	43.833.348	211.083.827
- Chi phí đồ dùng văn phòng	217.719.021	238.827.141
- Chi phí khấu hao TSCĐ	229.505.001	274.859.120
- Thuế, phí và lệ phí	167.558.591	121.643.879
- Chi phí dự phòng	94.000.000	768.996.607
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	418.752.615	193.578.756
- Chi phí bằng tiền khác	808.289.822	767.598.313
Cộng	7.181.571.811	7.340.169.998

5. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
- Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	27.272.727	-
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	108.010.263	6.851.000
- Các khoản thu khác	72.450.000	117.094.408
Cộng	207.732.990	123.945.408

6. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
- Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	284.922.500	468.926.454
Cộng	284.922.500	468.926.454

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	580.015.734	511.922.119
- Chi phí nhân công	17.927.148.649	13.575.148.700
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	561.748.733	535.944.273
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.640.640.509	6.209.069.200
- Chi khác bằng tiền	3.521.916.535	2.096.131.507
Cộng	31.231.470.160	22.928.215.799

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNDN chịu thuế năm hiện hành.	4.110.210.489	1.150.871.959
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.110.210.489	1.150.871.959

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (1)	-
Lợi nhuận trước thuế năm nay (2)	18.629.583.705
Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN (3)	1.921.468.738
- Chi phí khấu hao TSCĐ không có hóa đơn theo quy định	73.620.045
- Chi phí không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế TNDN	1.847.848.693

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN (4) -

Lợi nhuận chịu thuế năm nay (5)=(2)+(3)-(4) **20.551.052.443**
- Lợi nhuận chịu thuế TNDN 20% 20.551.052.443

Thuế TNDN **4.110.210.489**
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (6) 4.110.210.489

Tổng lợi nhuận sau thuế (7)=(1)+(2)-(6) **14.519.373.216**
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển 12.288.724.216
- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành 232.649.000
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi 1.998.000.000

Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm -

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có

2. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có.

3. **Thông tin về các bên liên quan:** không có.

4. **Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán.

5. **Thông tin về hoạt động liên tục**

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6. **Những thông tin khác**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	88,96%	87,28%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	11,04%	12,72%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	29,14%	25,61%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	70,86%	74,39%

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN
ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,43	3,91
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	3,06	3,43
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,92	2,53
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất LN trước thuế trên doanh thu	%	33,17%	14,59%
- Tỷ suất LN sau thuế trên doanh thu	%	25,85%	10,75%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất LN trước thuế trên tổng tài sản	%	37,27%	12,97%
- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản	%	29,05%	9,55%
3.3 Tỷ suất LN sau thuế trên nguồn vốn CSH	%	41,31%	14,10%



Nguyễn Cảnh Nguyên
Người lập



Đinh Văn Điền
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Thảo
Giám đốc
Lập ngày 23 tháng 03 năm 2017